| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày: 02-4-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Quang Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/HSST-QĐ ngày 19 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Công Đ (tên gọi khác: T), sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh ‘Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1962; họ và tên vợ: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 01 người con tên Huỳnh Bảo T, sinh ngày 14/7/2014; tiền sự: 01 tiền sự: Ngày 23/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 32/QĐ-TA về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tiền án: không. Hiện bị cáo đang là học viên của Trung tâm cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Bảo M, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Thái Thị Như H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

3. Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

4. Ông Trần Phát T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang; tạm trú: khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Công Đ (tên gọi khác T) là đối tượng nghiện ma túy từ tháng 3 năm 2018. Hiện, Đ đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến ngày 21/7/2018, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của người thân và bạn bè đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng. Thực hiện ý định này, Đ giả vờ nói với người thân và bạn bè cho Đ mượn xe mô tô đi công chuyện, sau đó chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn trên, Đ đã chiếm đoạt được 02 chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Bảo M và anh Nguyễn Văn C với tổng trị giá 38.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 5/2018, Đ và một người bạn tên C (không xác định được nhân thân lai lịch) mang xe mô tô hiệu Airblade không rõ biển số của C đến tiệm cầm đồ T thuộc ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương gặp bà Nguyễn Thị H làm chủ cầm được số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Số tiền này Đ, C cùng tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Đến ngày 11/5/2018 vợ của C (không xác định được nhân thân lai lịch) gọi điện thoại cho C, yêu cầu C mang xe mô tô về trả nên C nói với Đ biết. Lúc này, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Nguyễn Bảo M (M là anh vợ của Đ) để đem đến tiệm cầm đồ T cầm xe thế cho xe mô tô không rõ biển số của C đem về trả cho vợ C. Đ gọi điện thoại cho ông M nói: "Anh B cho em mượn xe đi công chuyện chiều về em trả?". M nói: "Để tao hỏi vợ đã" và tắt điện thoại. Ông M hỏi vợ là Thái Thị Như H và nói: "Thằng T nó mượn xe chiều nó trả?". Bà H đồng ý. M gọi điện thoại cho Đ và nói Đ lên nhà lấy xe thì Đ nói: "Anh B mang xe xuống nhà em giùm". Ông M đồng ý. Ông M điều khiển xe mô tô biển số 61H1-306.37 đến nhà ông Nguyễn Bảo Tấn N (N là em trai ruột của M) ở kế bên nhà Đ. Đ qua nhà N lấy xe mô tô biển số 61H1- 306.37 đi. Do Đ thường xuyên đi xe mô tô biển số 61H1- 306.37 nên Đ biết trong cốp xe mô tô có giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1- 306.37 và chứng minh nhân dân của chủ xe tên Thái Thị Như H. Trên đường đi, Đ ghé vào tiệm photo chứng minh nhân dân của bà H. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho C hẹn gặp nhau ở ngã tư M để đi chuộc xe mô tô không rõ biển số của C đã cầm trước đó. Đ không nói cho C biết về việc chiếm đoạt xe của ông Nguyễn Bảo M. C đồng ý. Đ chở C bằng xe mô tô biển số 61H1- 306.37 đến tiệm cầm đồ T đưa giấy đăng ký xe mô tô biển số: 61H1-

306.37 và chứng minh nhân dân photo của bà H và nói với bà H "Chị cho em đổi xe này lấy xe hôm trước em cầm". Bà H hỏi: "Xe ai?" Đ trả lời: "Xe của chị vợ em". Bà H đồng ý. Do sợ bị xử phạt về hành vi cầm xe mô tô không chính chủ nên bà H làm hợp đồng cầm xe mô tô biển số 61H1- 306.37 ghi tên người cầm là Thái Thị Như H với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và Đ ký tên của bà H vào hợp đồng. Đ lấy xe mô tô của C ra và trả cho C. Đ sợ ông M, bà H đòi xe nên bỏ đi khỏi địa phương. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/5/2018, bà H không thấy Đ mang xe mô tô về trả cho mình nên bà H gọi điện thoại cho Đ thì Đ nói "Em đi mua cây do kẹt tiền nên em mang cầm rồi". Bà H yêu cầu Đ mang xe mô tô về trả thì Đ trả lời "Dạ, dạ" và tắt điện thoại. Sau đó, bà H và ông M nhiều lần gọi điện thoại cho Đ và yêu cầu Đ mang xe về trả thì Đ hứa hẹn 2-3 ngày sau sẽ trả. Đến ngày 26/5/2018, do không có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên Đ đến tiệm cầm đồ T và yêu cầu cầm thêm số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) là giá trị của xe mô tô biển số 61H1-306.37 đã cầm trước đó. Bà H đồng ý. Số tiền này, Đ tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết. Bà H và ông M tiếp tục nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu Đ mang xe mô tô về trả nhưng Đ hứa hẹn 2-3 ngày sau sẽ trả với mục đích kéo dài thời gian không phải chuộc xe cho ông M. Ngày 05/9/2018, bà Thái Thị Như H làm đơn tố giác Huỳnh Công Đ đến Cơ quan Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 10/9/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu trắng – đen – xám, biển số 61H1-306.37 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-306.37.

Bản kết luận định giá tài sản số: 25/KLĐG ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 xe mô tô biển số 61H1-306.37 trị giá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 21/7/2018, Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Văn C là bạn của Đ nói C cho Đ mượn xe đi công chuyện hai ngày sau sẽ trả nhằm mục đích chiếm đoạt xe mô tô của C mang đi cầm cố. Do có mối quan hệ quen biết nên C đồng ý và hẹn Đ đến trước cổng Nông trường Cao su M lấy xe. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Dream không rõ biển số của Đ đến trước Nông trường Cao su M thuộc ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương và gọi điện thoại cho C. C điều khiển xe mô tô biển số 61H1- 100.17 đến chỗ hẹn và đưa xe cho Đ cùng giấy đăng ký xe mô tô. Tại đây, Đ mượn chứng minh nhân dân của C để thuê nhà nghỉ. C đồng ý và đưa chứng minh nhân dân của C cho Đ. Để C tin tưởng, Đ đưa xe mô tô của Đ cho C sử dụng. Sau khi chiếm đoạt xe của C, Đ mang xe mô tô đến nhờ Trần Văn Đ là bạn của Đ nhờ cầm xe mô tô. Đ không biết đây là xe mô tô do Đ phạm tội mà có nên hướng dẫn Đ ra tiệm cầm đồ H tại đường D7 thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Khi Đ tới tiệm cầm đồ H do xe mô tô không chính chủ nên Lê Quý C là chủ tiệm cầm đồ H không đồng ý cầm xe. Lúc này, Trần Phát T là bạn của C đang ngồi chơi tại đây và không có xe để đi nên T nói với Đ: "Đưa tao cầm cho với giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Đ đồng ý. T không làm hợp đồng và yêu cầu Đ đưa chứng minh nhân dân của Đ cùng giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1- 100.17. Đ đồng ý. Số tiền này, Đ tiêu xài cá nhân và sử dụng ma

túy hết. Đến ngày 23/7/2018, thấy Đ không trả xe mô tô cho mình nên C gọi điện thoại cho Đ thì Đ thông báo "Em đi mua cây do kẹt tiền nên em cầm rồi". C gọi điện thoại yêu cầu Đ chuộc xe lại ngay cho C thì Đ"dạ" rồi tắt máy. Sau đó, C nhiều lần gọi điện thoại cho Đ nhưng Đ không nghe máy. Đến khoảng đầu tháng 8/2018, C gặp Đ ở xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương thì Đ xin lỗi và năn nỉ C. Đ nói với C "Em không có xe đi làm, giờ em có đám cây chưa bán được 2,3 ngày sau em bán cây em chuộc xe lại cho anh". Nghe Đ nói vậy, C tin tưởng nên chở Đ về trạm bảo vệ lô 38 thuộc Nông trường Cao su M và lấy xe mô tô hiệu Dream của Đ trả lại cho Đ và yêu cầu Đ trả lại xe mô tô cho C. Sau khi C đưa xe Dream, Đ đem bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch được 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền này, Đ tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết. Sau đó, C tiếp tục nhiều lần gọi điện thoại cho Đ để yêu cầu đòi xe tuy nhiên Đ không nghe máy. Ngày 18/9/2018, Nguyễn Văn C làm đơn tố giác Huỳnh Công Đ đến Công an xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 14/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thu giữ: 01 xe mô tô Honda, hiệu Wave, biển số 61H1-100.17; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-100.17 mang tên Nguyễn Thị Thu P.

Bản kết luận định giá tài sản số: 24/KLĐG ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 xe mô tô biển số 61H1-100.17 trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 09/CTr-VKSDT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Huỳnh Công Đ về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Công Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Huỳnh Công Đ hoàn trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền là 26.000.000 đồng và trả lại cho bị hại Trần Phát T số tiền 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 11 tháng 5 năm 2018, do muốn chuộc xe đã cầm trước đó nhưng bị cáo Đ không có tiền nên bị cáo Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 61H1-306.37 của Nguyễn Bảo M đến tiệm cầm đồ T cầm xe để thay thế xe mô tô đã cầm trước đó. Sau đó, ngày 26/5/2018 bị cáo tiếp tục đến tiệm cầm đồ T lấy thêm số tiền 6.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Đồng thời, để có tiền tiêu xài nên ngày 21/7/2018 bị cáo Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 61H1-100.17 của Nguyễn Văn C đến cầm cho anh Trần Tấn P với số tiền 10.000.000 đồng. Sau 02 cầm xe bị cáo không có khả năng chuộc xe để trả cho bị hại Nguyễn Bảo M và Nguyễn Văn C.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những bị hại đem cầm cố, sau đó không có khả năng chuộc xe để trả lại cho người bị hại. Theo kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện D, định giá xe mô tô biển số 61H1 – 306.37 có giá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Theo kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 23/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện D, định giá xe mô tô biển số 61H1 – 100.17có giá 8.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 38.000.000 đồng.

[4] Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bản cáo trạng số 09/CT-VKSDT-HS ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Huỳnh Công Đ về tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an trong khu vực. Về nhận thức bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải có mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như: bị hại Nguyễn Bảo M và nguyễn Văn C có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua đó, để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 23/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 32/QĐ-TA về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền 26.000.000 đồng và ông Trần Phát T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 26.000.000 đồng và đồng ý trả lại ông Trần Phát T số tiền 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: 01 xe mô tô biển số 61H1-306.37 do bà Thái Thị Như H là chủ sở hữu hợp pháp. Ông Nguyễn Bảo M là chồng của bà H nên sử dụng xe chung. Vì vậy, ngày 22/11/2018, Công an huyện D đã trả lại cho ông Nguyễn Bảo M. Hiện tại, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho ông Nguyễn Bảo M, ông M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 61H1-100.17 do bà Nguyễn Thị Thu P là người đứng tên chủ sở hữu. Khoảng đầu tháng 10/2017, bà P tặng cho anh trai là Nguyễn Văn C nhưng không làm thủ tục sang tên. Vì vậy, ngày 22/11/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D trả: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61H1-100.17 mang tên Nguyễn Thị Thu P; 01 xe mô tô Honda, hiệu Wave, biển số 61H1-100.17 cho chủ sở hữu hợp

pháp là Nguyễn Văn C. Ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Đối với hành vi của đối tượng tên C, hiện không biết nhân thân lai lịch của C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D sẽ điều tra xác minh làm rõ. Khi nào có kết quả về hành vi phạm tội của C sẽ xử lý sau.

[11] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị H nhận cầm cố xe mô tô biển số 61H1-306.37; do tại thời điểm nhận cầm chiếc xe này, bà H không biết đây là xe do Huỳnh Công Đ phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không đề cập xử lý.

[12] Đối với hành vi của ông Trần Phát T nhận cầm cố xe mô tô biển số 61H1-100.17; do tại thời điểm nhận cầm chiếc xe này, ông T không biết đây là xe do Huỳnh Công Đ phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không đề cập xử lý.

[13] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Công Đ phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Công Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Huỳnh Công Đ có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

- Buộc bị cáo Huỳnh Công Đ có trách nhiệm trả lại ông Trần Phát T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Huỳnh Công Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Tuấn**

**Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thanh Hải** **Trương Hữu Bình** **Trần Quang Tuấn**